

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG
TỈNH SÓC TRĂNG**

Bản án số: 23/2021/DS-ST

Ngày: 30/03/2021.

*“V/v Tranh chấp hợp đồng
tín dụng”*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Phước Tài.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Phước.

2. Ông Hà Văn Châu.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Thuận - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thúy Trang - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 29 và 30 tháng 03 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 155/2021/TLST-DS ngày 28 tháng 08 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2021/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 03 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Ngân hàng N.**

Địa chỉ: đường L, phường T, quận B, Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc K - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hoài N, sinh năm 1980 (theo văn bản ủy quyền ngày 01/3/2021 – có mặt)

Địa chỉ: đường T, phường 2, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn:* Bà **Vũ Thị Thu H**, (vắng mặt)

Địa chỉ: đường T, khóm 2, phường 2, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 30 tháng 7 năm 2021 của Ngân hàng N và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Hoài N trình bày:

Bà Vũ Thị Thu H có vay vốn của Ngân hàng N - Chi nhánh thành phố S (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) theo 02 hợp đồng tín dụng sau:

- Hợp đồng tín dụng số: 7601-LAV201600814 ngày 27/9/2016, bà Vũ Thị Thu H vay của Ngân hàng với số tiền: 100.000.000 đồng, lãi suất 11%/năm (lãi suất nợ quá hạn 150% so với lãi suất cho vay đã thỏa thuận); mục đích vay vốn: Đại tu xe; thời gian cho vay 36 tháng, hạn trả cuối cùng 27/09/2019; trả nợ lãi hàng tháng. Tài sản đảm bảo nợ vay là 01 xe ô tô tải ô tô khách nhãn hiệu: NADIBUS; Màu sơn: Đỏ; Số máy 113750627856; Số khung: EF4444005701; Số chỗ ngồi: 29 chỗ; Biển số: 83B-005.97. Theo hợp đồng thế chấp tài sản số 552/2016/HĐTC, ngày 27/09/2016 đã được chứng thực tại Văn phòng công chứng T ngày 27/09/2016.

- Hợp đồng tín dụng số: 7601-LAV-201600895 ngày 21/10/2016, bà H vay Ngân hàng với số tiền: 100.000.000 đồng, lãi suất 11%/năm (lãi suất nợ quá hạn 150% so với lãi suất cho vay đã thỏa thuận); mục đích vay vốn: đại tu xe; thời gian cho vay 36 tháng, hạn trả cuối cùng 21/10/2019, trả nợ lãi hàng tháng. Tài sản đảm bảo nợ vay là 01 xe ô tô tải ô tô khách nhãn hiệu: NADIBUS; Màu sơn: xanh trắng; Số máy: 113Z50647814; Số khung: EF4054000710; Số chỗ ngồi: 29 chỗ; Biển số: 83B-004.72. Theo hợp đồng thế chấp tài sản số 561/2016/HĐTC, ngày 21/10/2016 đã được chứng thực tại Văn phòng công chứng T ngày 21/10/2016.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng bà H đã trả được số tiền vốn gốc và lãi cụ thể như sau:

- Hợp đồng tín dụng số 7601-LAV-201600814 ngày 27/09/2016: trả vốn 53.471.163 đồng, trả lãi 37.086.458 đồng; tổng cộng vốn, lãi đã trả là: 90.557.621 đồng.

- Hợp đồng tín dụng số 7601-LAV- 201600895 ngày 21/10/2016: trả vốn 38.832.000 đồng, trả lãi 39.321.273 đồng; tổng cộng vốn, lãi đã trả là: 78.153.273 đồng.

Tổng cộng vốn, lãi đã trả của hai hợp đồng là 168.710.894 đồng.

Hiện nay bà Vũ Thị Thu H còn nợ Ngân hàng với số tiền vốn là: 107.696.837 đồng, không có dư nợ lãi. Trong đó: Hợp đồng tín dụng số 7601-LAV-201600814 dư nợ gốc là 46.528.837 đồng. Hợp đồng tín dụng số 7601-LAV-201600895 dư nợ gốc là 61.168.000 đồng.

Nay Ngân hàng N yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc bà Vũ Thị Thu H hoàn trả cho Ngân hàng N số tiền vốn là 107.696.837 đồng, không có dư nợ lãi và tiếp tục trả lãi theo hợp đồng tín dụng cho đến khi trả xong tiền vay vốn.

- Nếu trường hợp bà Vũ Thị Thu H không trả hoặc trả không đầy đủ số tiền nợ nêu trên, thì phía nguyên đơn yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp là:

+ Xe ô tô tải ô tô khách nhãn hiệu: NADIBUS; Màu sơn: Đỏ; Số máy 113750627856; Số khung: EF4444005701; Số chỗ ngồi: 29 chỗ; Biển số: 83B-005.97. Theo hợp đồng thế chấp tài sản số 552/2016/HĐTC, ngày 27/09/2016 đã được công chứng tại Văn phòng công chứng T ngày 27/09/2016.

+ Xe ô tô tải ô tô khách nhãn hiệu: NADIBUS; Màu sơn: xanh trắng; Số máy: 113Z50647814; Số khung: EF4054000710; Số chỗ ngồi: 29 chỗ; Biển số: 83B-004.72. Theo hợp đồng thế chấp tài sản số 561/2016/HĐTC, ngày 21/10/2016 đã được công chứng tại Văn phòng công chứng T ngày 21/10/2016.

Trong quá trình giải quyết vụ án phía bị đơn là bà Vũ Thị Thu H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, nhưng bị đơn không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án cũng đã triệu tập hợp lệ bị đơn để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, cũng như tham gia phiên Tòa, nhưng bị đơn đều vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa hôm nay, vị đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước khi Hội đồng xét xử tiến hành nghị án, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về trình tự, thủ tục tố tụng. Đối với những người tham gia tố tụng thì trước và tại phiên tòa hôm nay chấp hành đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa sơ thẩm Hội đồng xét xử, thư ký thực hiện đúng trình tự thủ tục tại phiên tòa. Đối với bị đơn là bà Vũ Thị Thu H đã không chấp hành việc có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án.

Về nội dung, Vị đại diện Viện kiểm sát nêu quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về sự vắng mặt của bị đơn, bà Vũ Thị Thu H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để tiếp tục xét xử vắng mặt bị đơn bà Vũ Thị Thu H.

[2]. Về tính hợp pháp của hợp đồng tín dụng: Hợp đồng tín dụng số 7601-LAV-201600814 ngày 27/09/2016 và Hợp đồng tín dụng số 7601-LAV-201600895 ngày 21/10/2016: Ngân hàng N ủy quyền cho Ngân hàng N - Chi nhánh thành phố S ký kết hợp đồng tín dụng với bà Vũ Thị Thu H. Các bên đều có đủ tư cách chủ thể, có đủ năng lực hành vi dân sự nên chủ thể tham gia ký kết hợp đồng là hợp pháp. Hợp đồng được lập thành văn bản các bên đều tự nguyện ký tên, đóng dấu xác nhận nên hình thức hợp đồng hợp pháp. Các đương sự thỏa thuận về toàn bộ các điều khoản trong nội dung hợp đồng, tự nguyện ký kết, không bị lừa dối, ép buộc nên nội dung hợp đồng là hợp pháp.

[3] Về tính hợp pháp của Hợp đồng thế chấp: hợp đồng thế chấp tài sản số 552/2016/HĐTC, ngày 27/09/2016 và hợp đồng thế chấp tài sản số 561/2016/HĐTC, ngày 21/10/2016: Chủ thể tham gia ký kết Hợp đồng thế chấp là hợp pháp, Hợp đồng thế chấp được công chứng tại Văn phòng công chứng T và được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật, các bên trong hợp đồng thế chấp đã tự nguyện giao kết. Thỏa thuận của các bên không trái pháp luật và đạo đức xã hội. Như vậy, hợp đồng thế chấp là hợp pháp.

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả số tiền vốn là 107.696.837 đồng. Thấy rằng, tại Hợp đồng tín dụng số 7601-LAV-201600814 ngày 27/09/2016 thì phía Ngân hàng với bà Vũ Thị Thu H thỏa thuận số tiền bà H vay của Ngân hàng số tiền 100.000.000 đồng, mục đích vay vốn: Đại tu xe; thời gian cho vay 36 tháng, hạn trả cuối cùng 27/09/2019; trả nợ lãi hàng tháng và Hợp đồng tín dụng số: 7601-LAV-201600895 ngày 21/10/2016, bà Vũ Thị Thu H có vay vốn của Ngân hàng với số tiền: 100.000.000 đồng, mục đích vay vốn: đại tu xe; thời gian cho vay 36 tháng, hạn trả cuối cùng 21/10/2019, trả nợ lãi hàng tháng. Theo các hợp đồng tín dụng trên thì phía Ngân hàng đã giải ngân cho bà H nhận số tiền vay là 200.000.000 đồng. Tuy nhiên, trong quá trình vay vốn bà H không thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ trả tiền vốn theo hợp đồng đã ký, bà H chỉ trả được

số tiền vốn, lãi được là 168.710.894 đồng. Do bà H vi phạm nghĩa vụ trả vốn theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng nên phía Ngân hàng yêu cầu buộc bà H phải trả lại toàn bộ số tiền vốn vay còn nợ là có cơ sở chấp nhận.

[5]. Do bị đơn không có ý kiến bằng văn bản gửi Tòa án, không có nộp chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ khẳng định: Bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền vốn tính đến ngày 29/3/2021 là 107.696.837 đồng.

[6] Đối với yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh từ ngày 30/03/2021 đến khi bà H trả hết nợ theo mức lãi suất thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng, xét yêu cầu này là phù hợp với thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết cũng như theo quy định tại Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo của Ngân hàng: Theo thỏa thuận trong hợp đồng thế chấp tài sản số 552/2016/HĐTC, ngày 27/09/2016 và hợp đồng thế chấp tài sản số 561/2016/HĐTC, ngày 21/10/2016 được ký kết giữa bên thế chấp là bà Vũ Thị Thu H với bên nhận thế chấp là Ngân hàng thì phía Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ trong trường hợp bên vay không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ. Thỏa thuận này là phù hợp với quy định tại Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng nên có căn cứ chấp nhận.

[8]. Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng khác:

[8.1] về án phí dân sự sơ thẩm: Ngân hàng N không phải chịu. Bà Vũ Thị Thu H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án;

[8.2] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Bà Vũ Thị Thu H phải chịu 550.000 đồng theo Điều 157, Điều 158 Bộ luật Tố tụng dân sự

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 244, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ: Điều 342; Điều 355; Điều 471, Điều 474 và Điều 476, Điều 715, Điều 720, Điều 721 Bộ luật Dân sự năm 2005;

- Căn cứ: Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng;

- Căn cứ: Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/. Buộc bị đơn bà Vũ Thị Thu H trả cho nguyên đơn Ngân hàng N số tiền vốn còn nợ tổng cộng là 107.696.837 đồng (Trong đó, Hợp đồng tín dụng số 7601-LAV-201600814 dư nợ gốc là 46.528.837 đồng. Hợp đồng tín dụng số 7601-LAV-201600895 dư nợ gốc là 61.168.000 đồng).

Kể từ ngày 30/03/2021 bị đơn bà Vũ Thị Thu H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 7601-LAV-201600814 ngày 27/09/2016 và Hợp đồng tín dụng số 7601-LAV- 201600895 ngày 21/10/2016 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

2/. Trong trường hợp bản án có hiệu lực pháp luật mà bị đơn bà Vũ Thị Thu H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả không đủ số tiền nợ, nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật tài sản là:

- Xe ô tô tải ô tô khách nhãn hiệu: NADIBUS; Màu sơn: Đỏ; Số máy 113750627856; Số khung: EF4444005701; Số chỗ ngồi: 29 chỗ; Biển số: 83B-005.97. Theo hợp đồng thế chấp tài sản số 552/2016/HĐTC, ngày 27/09/2016 đã được chứng thực tại Văn phòng công chứng T ngày 27/09/2016.

- Xe ô tô tải ô tô khách nhãn hiệu: NADIBUS; Màu sơn: xanh trắng; Số máy: 113Z50647814; Số khung: EF4054000710; Số chỗ ngồi: 29 chỗ; Biển số: 83B-004.72. Theo hợp đồng thế chấp tài sản số 561/2016/HĐTC, ngày 21/10/2016 đã được chứng thực tại Văn phòng công chứng T ngày 21/10/2016.

3/. Về án phí và chi phí tố tụng khác:

- Án phí dân sự sơ thẩm:

+ Bà Vũ Thị Thu H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 5.384.842 đồng.

+ Ngân hàng N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.158.000 đồng theo biên lai số 0004561 ngày 18/8/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố S.

- Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Bà Vũ Thị Thu H phải chịu số tiền 550.000 đồng để hoàn trả lại cho Ngân hàng N.

4/. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn thì thời hạn kháng cáo nêu trên được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSNDTP S;
- Chi cục THADS TP S;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lê Phước Tài